

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-PT

Ngày 25/7/2017.

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương

Các Thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Ông Nguyễn Như Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký TAND tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Ông Đặng Văn Thìn

- Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLPT-HNGĐ ngày 15/6 /2017 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2017/QĐ-PT ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu X, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Ngọ Thị H, Luật sư - Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị V, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn C- sinh năm 1960 - Trường khoa pháp luật X, Trường Đại học A(Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

3. Người kháng cáo: Chị Đinh Thị V - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày: Anh và chị Đinh Thị V kết hôn với nhau ngày 24/9/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H. Trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị V về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng sống chung cùng với mẹ đẻ của anh, tình cảm ban đầu hạnh phúc được khoảng 2 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng quan điểm. Đến năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng có được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành, chị V đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn gửi lên UBND thị trấn T, có lần đã gửi đến Tòa án nhưng sau đó được hòa giải vợ chồng lại trở về đoàn tụ với nhau nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được. Lần gần đây nhất là vào dịp tết nguyên đán năm 2017 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn xô sát, chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và làm đơn xin ly hôn anh, sau đó chị V xin rút đơn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đã làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/5/2011, hiện đang ở với anh và vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung vì điều kiện kinh tế của anh tốt hơn chị V, việc chăm sóc con từ trước đến nay chủ yếu do anh và mẹ anh chăm sóc, chị V ngoài hai buổi dạy học tại trường còn dạy thêm và bán hàng trên mạng nên ít có thời gian chăm sóc con. Anh xác định tất cả các điều kiện về vật chất, tinh thần và sự quan tâm chăm sóc con có sự phát triển tốt nhất thì anh có điều kiện tốt hơn chị V. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng canh tác: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và riêng, vợ chồng không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị V trình bày : Chị và anh Nguyễn Ngọc M kết hôn được tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T năm 2009. Sau khi kết hôn chị về nhà anh M làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh M. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất quan điểm về cách nuôi dạy con nên thường xuyên cãi nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 12/01/2017 âm lịch, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, chỉ liên lạc điện thoại với nhau để hỏi

thăm con, hai vợ chồng không nói chuyện gì với nhau nữa . Vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn rất nhiều lần trước đó và chị có hai lần làm đơn xin ly hôn anh M gửi UBND thị trấn T và Tòa án nhân dân huyện H nhưng được gia đình hai bên động viên hoà giải nên chị lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn lần này là do hai vợ chồng đưa con về bên ngoại chơi, chị có bảo con chào mọi người nhưng cháu D không nghe nên chị có tát nhẹ một cái dẫn đến xảy ra xô sát giữa hai vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và làm đơn xin ly hôn anh M, sau một thời gian suy nghĩ lại thấy hành động của mình là sai lầm, nóng giận quá nên đã rút lại đơn xin ly hôn tại Tòa án. Sau đó anh M có đơn xin ly hôn , chị có xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với điều kiện là chị được quyền nuôi con , còn nếu không được quyền nuôi con thì chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc D , sinh ngày 10/5/2011, hiện đang ở với anh M , cháu phát triển bình thường . Trường hợp vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh M phải cấp dưỡng 2.000.000đồng/1 tháng.

Về tài sản chung , tài sản riêng , công nợ, ruộng canh tác : Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và riêng , không có công sức đóng góp cùng gia đình, không cho ai vai và không vay nợ ai tài sản gì , ruộng đất không có vì vậy không yêu cầu Toà án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2017/HNGĐ-ST ngày 08/5/2017 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định:

□p dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn chị Đinh Thị V.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Ngọc M trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/5/2011. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Đinh Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đ□ng sự.

Ngày 11/5/2017, chị Đinh Thị V là bị đơn kháng cáo, ngày 12/5/2017 chị V nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc D. Ngày 22/6/2017 chị Đinh Thị V có đơn đề nghị chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Ngọc M là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, chị Đinh Thị V là bị đơn không rút đơn kháng cáo và đề nghị Tòa phúc thẩm chia tài sản chung của vợ chồng. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đinh Thị V, ông Nguyễn Văn C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V, giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị V có thu nhập ổn định, có tư cách đạo đức tốt, là giáo viên dạy giỏi, có chỗ ở là nhà của bố mẹ để sắp tặg cho chị V và chị V có thời gian chăm sóc con cái hơn anh M. Anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 4.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M, Luật sư Ngô Thị H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm với lý do anh M có đủ điều kiện để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung so với chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ vợ chồng, anh Nguyễn Ngọc M và chị Đinh Thị V không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với kháng cáo về chia tài sản chung vợ chồng của chị Đinh Thị V, Hội đồng xét xử thấy: Tại Tòa cấp sơ thẩm anh M, chị V không đề nghị giải quyết về chia tài sản chung nên Tòa sơ thẩm chưa xem xét giải quyết. Tại cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết được, bởi lẽ nếu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết sẽ vi phạm nguyên tắc xét xử 2 cấp theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau này chị V có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này của chị V.

Xét kháng cáo của chị Đinh Thị V về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Đinh Thị V kết hôn với nhau ngày 24/9/2009 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T. Nay các đương sự đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/5/2011, hiện nay cháu D đang ở với bố và bà nội, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn cả hai bên đều đề nghị Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Chị V xác định cháu hay ốm nên cần sự chăm sóc của người mẹ và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị hàng tháng, còn anh M không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh M và chị V là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung có sự phát triển tốt nhất, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù cả anh M và chị V đều có công việc tốt và thu nhập ổn định, đều có đủ điều kiện và đủ khả năng để nuôi dạy con chung của vợ chồng. Tuy nhiên hiện nay cháu D vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, mặt khác chị V là giáo viên có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con tốt hơn so với anh M. Tại phiên tòa, chị V xác định khi sinh cháu chị phải mổ đẻ nên ít nhiều ảnh hưởng đến việc sinh con sau này. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ sau ly hôn Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc D cho chị Đinh Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nếu sau này người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V để sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V nên chị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

□p dụng: Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị V, sửa bản án sơ thẩm;

Xử:

1. Về con chung: Giao chị Đinh Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/5/2011. Anh Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị V mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả chị Đinh Thị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai số AA/2016/0001609 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THDS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương